



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002	Anh	7	bảy	C22TC	
2	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	Anh	9	chín	C22CK1	
3	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	Anh	9	chín	C22CK3	
4	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	Anh	5	năm	C22TC	
5	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001				C22CK1	
6	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	Bình	9	chín	C22CK3	
7	2010120032	Huỳnh Ngọc Diễm	13/01/2002	Diễm	7	bảy	C22TC	
8	2010040054	Nguyễn Thanh Dương	24/08/2002	Dương	7	bảy	C22CK3	
9	2010040022	Lê Phước Đức	08/01/2000	Đức			C20CK1	
10	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	Hào	9	chín	C22CK2	
11	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	Hậu	8	tám	C22CK2	
12	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	Hiền	9	chín	C22TC	
13	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	Hoàng	9	chín	C22CK2	
14	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002				C22CK1	
15	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	Huy	8	tám	C22CK1	
16	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	Hùng	9	chín	C22CK2	
17	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	Kha	9	chín	C22CK1	
18	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	Khương	9	chín	C22CK2	
19	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	Liêm	9	chín	C22CK3	
20	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000				C22CK1	
21	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	Lợi	9	chín	C22CK2	
22	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	Nghĩa	7	bảy	C22CK1	
23	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	Nguyệt	9	chín	C22TC	
24	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	Nhân	8	tám	C22CK2	
25	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000	Phát	9	chín	C22CK3	
26	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001	Quân	9	chín	C22CK3	
27	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002	Sang	8	tám	C22CK3	
28	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002	Sương	5	năm	C22TC	
29	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	Thành	9	chín	C22CK2	
30	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	Thành	8	tám	C22TC	
31	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	Thành	8	tám	C22CK3	
32	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	Thạch	8	tám	C22CK2	
33	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	Thịnh	9	chín	C22CK3	
34	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	Thịnh	9	chín	C22CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010120007	Phạm Thị Thanh Thúy	29/06/2002				C22TC	
36	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<i>Thương</i>	7	<i>hảy</i>	C22TC	
37	2010040028	Nguyễn Minh Tiến	29/10/2002	<i>Tiến</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK2	
38	2010040013	Trần Trung Tín	08/01/2002	<i>Tín</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK1	
39	2010040043	Nguyễn Minh Triết	25/10/2002	<i>Triết</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK2	
40	2010040001	Huỳnh Hữu Trí	26/05/2002	<i>Trí</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK1	
41	2010040055	Ksor Quang Trung	07/01/2002	<i>Trung</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK3	
42	2010040019	Phan Tấn Trường	08/05/2002	<i>Trường</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK1	
43	2010040006	Nguyễn Thanh Tùng	19/02/2002	<i>Tùng</i>	9	<i>Chín</i>	C22CK1	
44	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<i>Tú</i>	9	<i>Chín</i>	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 41 vắng thi: 02 . Số bài thi: / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 39 / Tỷ lệ đạt: 95,1 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



[Signature]

Ngô Thanh Anh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	24/11/2001		8	tám	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002		5	năm	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002		7	bảy	C22CK2	
4	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002		5	năm	C22CK3	
5	2010040002	Nguyễn Minh Cường	31/01/2002		6	sáu	C22CK1	
6	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002		7	bảy	C22CK3	
7	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002				C22CK3	
8	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002		5	năm	C22CK3	
9	2010120017	Cao Thị Bạch Đằng	25/12/2002		8	tám	C22TC	
10	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002				C22CK1	
11	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001		5	năm	C22TC	
12	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002		5	năm	C22CK2	
13	2010040074	Nguyễn Tuấn Khanh	02/08/2002		6	sáu	C22CK3	
14	2010040040	Nguyễn Vũ Khoa	06/09/2002		8	tám	C22CK2	
15	2010040009	Trà Anh Kiệt	21/01/2002		6	sáu	C22CK1	
16	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001		6	sáu	C22CK1	
17	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002		5	năm	C22TC	
18	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002		9	chín	C22CK2	
19	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002		7	bảy	C22CK3	
20	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002		5	năm	C22TC	
21	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002		6	sáu	C22CK2	
22	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002		9	chín	C22CK3	
23	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002		5	năm	C22CK2	
24	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001		7	bảy	C22CK1	
25	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001		7	bảy	C22TC	
26	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002		6	sáu	C22CK3	
27	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002		6	sáu	C22CK3	
28	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002		6	sáu	C22CK3	
29	2010040020	Huỳnh Chí Nguyễn	30/01/2002		7	bảy	C22CK1	
30	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002		7	bảy	C22TC	
31	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002		5	năm	C22TC	
32	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	16/12/2002		5	năm	C22TC	
33	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000		8	tám	C22CK1	
34	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001		7	bảy	C22CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002	<i>[Signature]</i>	5	<i>năm</i>	C22CK3	
36	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002	<i>[Signature]</i>	8	<i>tám</i>	C22CK1	
37	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002	<i>[Signature]</i>	6	<i>Sáu</i>	C22CK3	
38	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C22CK2	
39	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<i>[Signature]</i>	5	<i>năm</i>	C22TC	
40	2010040037	Trần Văn Tinh	15/04/2001	<i>[Signature]</i>	9	<i>chín</i>	C22CK2	
41	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C22CK3	
42	2010120012	Trương Thị Quế Trân	02/09/2002	<i>[Signature]</i>	5	<i>năm</i>	C22TC	
43	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002	<i>[Signature]</i>	8	<i>tám</i>	C22CK3	
44	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002	<i>[Signature]</i>	8	<i>tám</i>	C22CK2	
45	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2000	<i>[Signature]</i>	8	<i>tám</i>	C22CK2	
46	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002	<i>[Signature]</i>	8	<i>tám</i>	C22CK1	
47	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002	<i>[Signature]</i>	7	<i>bảy</i>	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 47 vắng thi: 02 . Số bài thi: / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 45 / Tỷ lệ đạt: 95 , 7 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG C
P
KHẢO T

[Signature]
Nguyễn Tuấn Anh



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002			5	nam	C22TC	
2	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002			7	bay	C22CK1	
3	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002			6	Sau	C22CK3	
4	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002			7	bay	C22TC	
5	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001					C22CK1	
6	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001			6	Sau	C22CK3	
7	2010120032	Huỳnh Ngọc Diễm	13/01/2002			5	nam	C22TC	
8	2010040054	Nguyễn Thanh Dương	24/08/2002			6	Sau	C22CK3	
9	1810040022	Lê Phước Đức	08/01/2000					C20CK1	
10	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002			6	Sau	C22CK2	
11	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001			6	Sau	C22CK2	
12	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002			7	bay	C22TC	
13	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002			7	bay	C22CK2	
14	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002					C22CK1	
15	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001			7	bay	C22CK1	
16	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002			6	Sau	C22CK2	
17	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002			7	bay	C22CK1	
18	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001			7	bay	C22CK2	
19	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002			6	Sau	C22CK3	
20	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000					C22CK1	
21	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002			5	nam	C22CK2	
22	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002			7	bay	C22CK1	
23	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002			6	Sau	C22TC	
24	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002			6	Sau	C22CK2	
25	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000			7	bay	C22CK3	
26	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001			6	Sau	C22CK3	
27	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002			6	Sau	C22CK3	
28	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002			7	bay	C22TC	
29	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002			6	Sau	C22CK2	
30	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002			6	Sau	C22TC	
31	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002			7	bay	C22CK3	
32	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002			6	Sau	C22CK2	
33	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002			7	bay	C22CK3	
34	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002			5	nam	C22CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010120007	Phạm Thị Thanh	Thúy	29/06/2002				C22TC	
36	2010120033	Nguyễn Thanh	Thương	16/07/2002		7	bảy	C22TC	
37	2010040028	Nguyễn Minh	Tiến	29/10/2002		5	năm	C22CK2	
38	2010040013	Trần Trung	Tín	08/01/2002		6	Sáu	C22CK1	
39	2010040043	Nguyễn Minh	Triết	25/10/2002		6	Sáu	C22CK2	
40	2010040001	Huỳnh Hữu	Trí	26/05/2002		7	bảy	C22CK1	
41	2010040055	Ksor Quang	Trung	07/01/2002		5	năm	C22CK3	
42	2010040019	Phan Tấn	Trường	08/05/2002		5	năm	C22CK1	
43	2010040006	Nguyễn Thanh	Tùng	19/02/2002		6	Sáu	C22CK1	
44	2010120024	Nguyễn Thanh	Tú	30/08/2002		5	năm	C22TC	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 41 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 39 / _____ Tỷ lệ đạt: 95,1 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



(Signature)
Nguyễn Tuấn Anh



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	24/11/2001	<i>Tay</i>		8	<i>tám</i>	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002	<i>Bao</i>		7	<i>bảy</i>	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002	<i>Hu</i>		9	<i>chín</i>	C22CK2	
4	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002	<i>Chuong</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK3	
5	2010040002	Nguyễn Minh Cường	31/01/2002	<i>Cuong</i>		7	<i>bảy</i>	C22CK1	
6	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002	<i>Du</i>		7	<i>bảy</i>	C22CK3	
7	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002					C22CK3	
8	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002	<i>Dat</i>		8	<i>tám</i>	C22CK3	
9	2010120017	Cao Thị Bạch Đằng	25/12/2002	<i>Edang</i>		5	<i>năm</i>	C22TC	
10	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002					C22CK1	
11	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001	<i>Ho</i>		5	<i>năm</i>	C22TC	
12	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002	<i>E</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK2	
13	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002	<i>Khanh</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK3	
14	2010040040	Nguyễn Vũ Khoa	06/09/2002	<i>Khoa</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK2	
15	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002	<i>Ahieu</i>		8	<i>tám</i>	C22CK1	
16	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001	<i>Lac</i>		8	<i>tám</i>	C22CK1	
17	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<i>Thieu</i>		6	<i>Sáu</i>	C22TC	
18	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002	<i>Linh</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK2	
19	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002	<i>Duylinh</i>		8	<i>tám</i>	C22CK3	
20	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002	<i>Lo</i>		5	<i>năm</i>	C22TC	
21	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002	<i>Lac</i>		7	<i>bảy</i>	C22CK2	
22	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002	<i>Loi</i>		8	<i>tám</i>	C22CK3	
23	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002	<i>Loi</i>		5	<i>năm</i>	C22CK2	
24	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001	<i>Luan</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK1	
25	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001	<i>Phu</i>		5	<i>năm</i>	C22TC	
26	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002	<i>Manh</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK3	
27	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002	<i>Minh</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK3	
28	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002	<i>Nam</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK3	
29	2010040020	Huỳnh Chí Nguyễn	30/01/2002	<i>Nguyen</i>		6	<i>Sáu</i>	C22CK1	
30	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002	<i>Nhi</i>		7	<i>bảy</i>	C22TC	
31	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<i>Thanh</i>		5	<i>năm</i>	C22TC	
32	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	16/12/2002	<i>Nguyen</i>		5	<i>năm</i>	C22TC	
33	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000	<i>No</i>		7	<i>bảy</i>	C22CK1	
34	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001	<i>Quynh</i>		8	<i>tám</i>	C22CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010040069	Lưu Chí Tài	24/04/2002			6	Sau	C22CK3	
36	2010040003	Trần Quốc Thanh	02/06/2002			7	hãy	C22CK1	
37	2010040071	Phạm Hoàng Thái	11/12/2002			6	Sau	C22CK3	
38	2010040039	Nguyễn Văn Thiện	23/06/2002			5	hãy	C22CK2	
39	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002			7	hãy	C22TC	
40	2010040037	Trần Văn Tình	15/04/2001			8	tam	C22CK2	
41	2010040052	Phạm Minh Toàn	02/08/2002			8	tam	C22CK3	
42	2010120012	Trương Thị Quế Trân	02/09/2002			5	hãy	C22TC	
43	2010100106	Trần Minh Trung	12/08/2002			7	hãy	C22CK3	
44	2010040048	Đào Hải Trường	18/09/2002			7	hãy	C22CK2	
45	2010040035	Nguyễn Thanh Tùng	29/07/2000			7	hãy	C22CK2	
46	2010040024	Đặng Quang Vinh	07/12/2002			8	tam	C22CK1	
47	2010040076	Nguyễn Tuấn Vũ	26/02/2002			7	hãy	C22CK3	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 47 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 45 / _____

Tỷ lệ đạt: 95,7 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
PH
KHẢO THI

Nguyễn Tuấn Anh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040026	Nguyễn Minh Tâm	21/08/2002		9	chín	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____. Số bài thi: ____ / ____.Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / ____Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040026	Nguyễn Minh Tâm	21/08/2002		7	bảy	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810040022	Lê Phước Đức	08/01/2000	<i>Phuc</i>	7	<i>bảy</i>	C20CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KHẢO THI VÀ KIỂM TRA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1810040022	Lê Phước Đức	08/01/2000		7	ba ²	C20CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100,0 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040033	Nguyễn Đức Lợi	06/08/2002		7	bảy	C22CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040033	Nguyễn Đức Lợi	06/08/2002	<i>du</i>	6	Sáu	C22CK2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____, Số bài thi: _____/_____.Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100, 00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh Anh	11/11/2002	<i>Ant</i>	5	năm	C22TC	
2	2010040017	Nguyễn Tuấn Anh	13/08/2002	<i>Anh</i>	7	bảy	C22CK1	
3	2010040073	Phan Thanh Tuấn Anh	25/11/2002	<i>Anh</i>	6	Sáu	C22CK3	
4	2010120034	Phan Thị Kim Anh	14/03/2002	<i>Anh</i>	7	bảy	C22TC	
5	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001				C22CK1	
6	2010040060	Phạm Thanh Bình	09/03/2001	<i>Bình</i>	6	Sáu	C22CK3	
7	2010120032	Huỳnh Ngọc Diễm	13/01/2002	<i>Diễm</i>	5	năm	C22TC	
8	2010040054	Nguyễn Thanh Dương	24/08/2002	<i>Dương</i>	6	Sáu	C22CK3	
9	1810040022	Lê Phước Đức	08/01/2000				C20CK1	
10	2010040046	Phan Anh Hào	07/07/2002	<i>Hào</i>	6	Sáu	C22CK2	
11	2010040036	Võ Trung Hậu	01/07/2001	<i>Hậu</i>	6	Sáu	C22CK2	
12	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<i>Hiền</i>	7	bảy	C22TC	
13	2010040049	Đỗ Nguyễn Thanh Hoàng	03/07/2002	<i>Hoàng</i>	7	bảy	C22CK2	
14	2010040009	Phạm Xuân Hòa	13/08/2002				C22CK1	
15	2010040018	Lương Quốc Huy	30/09/2001	<i>Huy</i>	6	Sáu	C22CK1	
16	2010040032	Lý Văn Hùng	22/07/2002	<i>Hùng</i>	6	Sáu	C22CK2	
17	2010040014	Lê Minh Kha	20/02/2002	<i>Kha</i>	7	bảy	C22CK1	
18	2010040025	Tổng Duy Khương	07/01/2001	<i>Khương</i>	7	bảy	C22CK2	
19	2010040075	Trần Thanh Liêm	06/12/2002	<i>Liêm</i>	6	Sáu	C22CK3	
20	2010040015	Trần Khánh Linh	12/04/2000				C22CK1	
21	2010040047	Nguyễn Thành Lợi	04/07/2002	<i>Lợi</i>	5	năm	C22CK2	
22	2010040005	Nguyễn Trọng Nghĩa	14/01/2002	<i>Ngũ</i>	7	bảy	C22CK1	
23	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	<i>Nguyệt</i>	6	Sáu	C22TC	
24	2010040045	Nguyễn Thanh Nhân	08/10/2002	<i>Nhân</i>	6	Sáu	C22CK2	
25	2010040062	Lê Trần Tấn Phát	25/09/2000	<i>Phát</i>	7	bảy	C22CK3	
26	2010040063	Lê Minh Quân	31/01/2001	<i>Quân</i>	5	năm	C22CK3	
27	2010040067	Tạ Thanh Sang	29/08/2002	<i>Sang</i>	6	Sáu	C22CK3	
28	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002	<i>Sương</i>	7	bảy	C22TC	
29	2010040034	Huỳnh Tấn Thành	21/09/2002	<i>Thành</i>	6	Sáu	C22CK2	
30	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<i>Thành</i>	6	Sáu	C22TC	
31	2010040056	Trần Tấn Thành	23/12/2002	<i>Thành</i>	7	bảy	C22CK3	
32	2010040041	Nguyễn Ngọc Thạch	21/07/2002	<i>Thạch</i>	5	năm	C22CK2	
33	2010040058	Lê Vĩnh Thịnh	06/12/2002	<i>Thịnh</i>	8	tám	C22CK3	
34	2010040027	Nguyễn Hữu Thịnh	07/01/2002	<i>Thịnh</i>	5	năm	C22CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010120007	Phạm Thị Thanh	Thủy	29/06/2002			C22TC	
36	2010120033	Nguyễn Thanh	Thương	16/07/2002	<i>Thương</i>	7	C22TC	
37	2010040028	Nguyễn Minh	Tiến	29/10/2002	<i>Nguyễn</i>	5	C22CK2	
38	2010040013	Trần Trung	Tín	08/01/2002	<i>Tín</i>	6	C22CK1	
39	2010040043	Nguyễn Minh	Triết	25/10/2002	<i>Nguyễn</i>	6	C22CK2	
40	2010040001	Huỳnh Hữu	Trí	26/05/2002	<i>HL</i>	7	C22CK1	
41	2010040055	Ksor Quang	Trung	07/01/2002	<i>Trung</i>	5	C22CK3	
42	2010040019	Phan Tấn	Trường	08/05/2002	<i>Phan</i>	5	C22CK1	
43	2010040006	Nguyễn Thanh	Tùng	19/02/2002	<i>Nguyễn</i>	6	C22CK1	
44	2010120024	Nguyễn Thanh	Tú	30/08/2002	<i>Nh</i>	5	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 02. Số bài thi: / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 39 / Tỷ lệ đạt: 95,1 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Ng. Thuận Anh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040031	Trần Văn Trường An	24/11/2001		8	tám	C22CK2	
2	2010040038	Nguyễn Trần Quốc Bảo	26/05/2002		8	tám	C22CK2	
3	2010040030	Phan Hoài Bảo	03/12/2002		8	tám	C22CK2	
4	2010040057	Đặng Nguyễn Việt Chương	26/06/2002		9	chín	C22CK3	
5	2010040002	Nguyễn Minh Cường	31/01/2002		9	chín	C22CK1	
6	2010040072	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	13/06/2002		9	chín	C22CK3	
7	2010040065	Phan Thái Dương	13/02/2002				C22CK3	
8	2010040068	Nguyễn Tấn Đạt	01/09/2002		5	năm	C22CK3	
9	2010120017	Cao Thị Bạch Đăng	25/12/2002		9	chín	C22TC	
10	2010040007	Nguyễn Thành Được	11/01/2002				C22CK1	
11	2010120002	Trần Ngọc Thảo Hiền	09/03/2001		5	năm	C22TC	
12	2010010076	Võ Khắc Huy	25/04/2002		9	chín	C22CK2	
13	2010040074	Lê Tuấn Khanh	02/08/2002		9	chín	C22CK3	
14	2010040040	Nguyễn Vũ Khoa	06/09/2002		9	chín	C22CK2	
15	2010040016	Trà Anh Kiệt	21/01/2002		9	chín	C22CK1	
16	2010040021	Huỳnh Văn Lạc	14/07/2001		9	chín	C22CK1	
17	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002		9	chín	C22TC	
18	2010040042	Đoàn Khánh Linh	14/10/2002		8	tám	C22CK2	
19	2010040053	Lê Duy Linh	09/04/2002		8	tám	C22CK3	
20	2010120006	Nguyễn Thị Phương Loan	27/09/2002		8	tám	C22TC	
21	2010040044	Nguyễn Tấn Lộc	09/05/2002		8	tám	C22CK2	
22	2010040064	Nguyễn Quang Tấn Lợi	09/05/2002		9	chín	C22CK3	
23	2010040050	Trương Phước Lợi	04/07/2002		5	năm	C22CK2	
24	2010040022	Nguyễn Thành Luân	19/12/2001		9	chín	C22CK1	
25	2010120016	Nguyễn Phương Mai	01/04/2001		7	bảy	C22TC	
26	2010040051	Huỳnh Quốc Mạnh	02/12/2002		9	chín	C22CK3	
27	2010040077	Du Phi Minh	27/10/2002		8	tám	C22CK3	
28	2010040066	Nguyễn Hoài Nam	11/11/2002		9	chín	C22CK3	
29	2010040020	Huỳnh Chí Nguyễn	30/01/2002		9	chín	C22CK1	
30	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002		9	chín	C22TC	
31	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002		9	chín	C22TC	
32	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	16/12/2002		9	chín	C22TC	
33	2010040011	Nguyễn Văn Nở	09/12/2000		9	chín	C22CK1	
34	2010040029	Phạm Quỳnh	10/06/2001		9	chín	C22CK1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010040069	Lưu Chí	Tài	24/04/2002		9	Chín	C22CK3	
36	2010040003	Trần Quốc	Thanh	02/06/2002		9	Chín	C22CK1	
37	2010040071	Phạm Hoàng	Thái	11/12/2002		9	Chín	C22CK3	
38	2010040039	Nguyễn Văn	Thiện	23/06/2002		9	Chín	C22CK2	
39	2010120022	Nguyễn Anh	Thư	26/09/2002		9	Chín	C22TC	
40	2010040037	Trần Văn	Tình	15/04/2001		9	Chín	C22CK2	
41	2010040052	Phạm Minh	Toàn	02/08/2002		9	Chín	C22CK3	
42	2010120012	Trương Thị Quế	Trân	02/09/2002		7	Bảy	C22TC	
43	2010100106	Trần Minh	Trung	12/08/2002		9	Chín	C22CK3	
44	2010040048	Đào Hải	Trường	18/09/2002		9	Chín	C22CK2	
45	2010040035	Nguyễn Thanh	Tùng	29/07/2000		9	Chín	C22CK2	
46	2010040024	Đặng Quang	Vinh	07/12/2002		7	Bảy	C22CK1	
47	2010040076	Nguyễn Tuấn	Vũ	26/02/2002		8	Tám	C22CK3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 47 vắng thi: 02 . Số bài thi: / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 45 / Tỷ lệ đạt: 95,7 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 10 tháng 9 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tuấn Anh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	Bảo	7	bảy	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

PHIẾM
KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỀM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<i>bảo</i>	<i>7</i>	<i>bảy</i>	C22CK1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____

Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục thể chất 2 - MH1109005

Mã lớp học phần: MH110900503

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tuấn Anh - (06022)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010040012	Ngô Gia Bảo	20/04/2001	<i>Bảo</i>		<i>7</i>	<i>bảy</i>	C22CK1	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: _____ . Số bài thi/Số tờ: _____ / _____ .Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 5 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tuấn Anh